CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TRUNG TÂM DỰ BÁO
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: KH1T-32/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC

(Thời kỳ từ 11/11-10/12/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật thời kỳ 11/10-10/11/2026

+ ***Dông, lốc, sét:*** Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận dông, lốc, sét *(Phụ lục-Bảng 1).*

+ ***Mưa diện rộng***: Từ ngày 11/10-10/11/2026, tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 03 đợt mưa: Đợt mưa từ ngày 29-30/10 tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Bắc Bộ; đợt mưa từ ngày 02-03/11 và đợt mưa từ ngày 06-10/11. Trong đó đáng lưu ý là đợt mưa từ ngày 06-10/11, khu vực Bắc Bộ có nơi có mưa rất to với tổng lượng mưa (TLM) cao hơn 150mm như Ninh Bình 219mm, Nam Định (Ninh Bình) 202mm, Nho Quan (Ninh Bình) 198mm, Cúc Phương (Ninh Bình) 190mm, Hòa Bình (Phú Thọ) 166mm, Chi Nê (Phú Thọ) 168mm, …

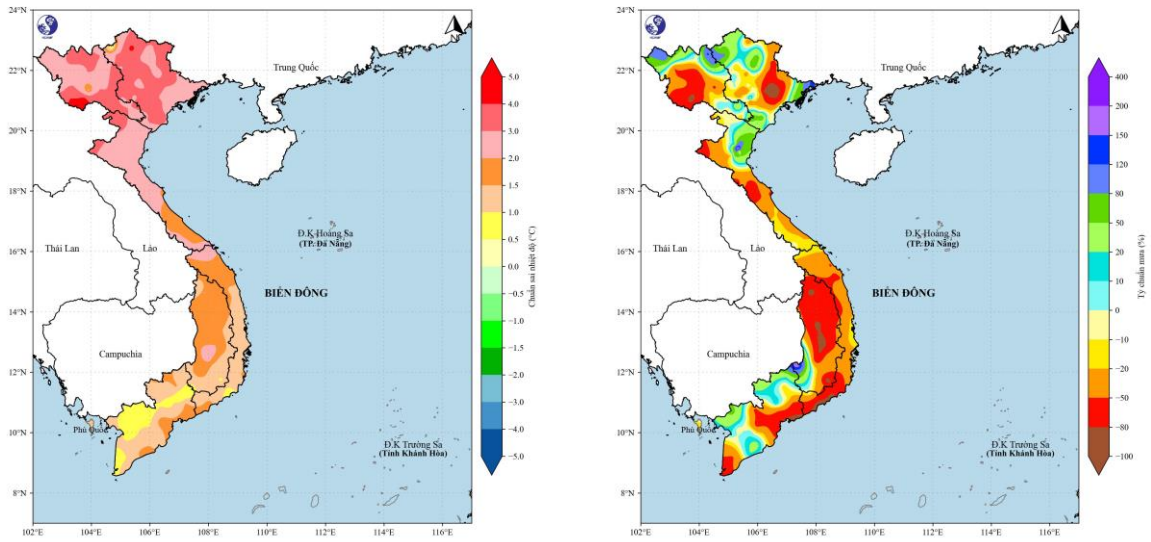
Tại khu vực Trung Bộ xảy ra 04 đợt mưa diện rộng: Từ ngày 11-15/10, 17-22/10, 26-31/10 và từ ngày 06-10/11. Đáng chú ý trong đợt mưa 06-10/11: Tại khu vực Thanh Hóa-Nghệ An có mưa vừa trong ngày 06/11, từ ngày 07/11 mưa mở rộng từ Hà Tĩnh đến Tp. Đà Nẵng, phía Đông tỉnh Quảng Ngãi đến Đắk Lắk và Khánh Hòa; TLM phổ biến từ 80-150mm, đặc biệt tại Thanh Hóa và khu vực từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi TLM phổ biến 150-250mm, có nơi cao hơn 300mm như A Lưới (Tp. Huế) 621mm, Nam Đông (Tp. Huế) 560mm, Như Xuân (Thanh Hóa) 451mm, Trà My (Tp. Đà Nẵng) 342mm, ...

Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày xuất hiện mưa vừa, mưa to trên diện rộng.

Từ ngày 11/10-10/11/2026, một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày và nhiệt độ cao nhất nhất tuyệt đối ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ *(Phụ lục-Bảng 2,3,4).*

+ ***Không khí lạnh (KKL):*** Trong thời kỳ 11/10-10/11/2026, xảy ra 01 đợt KKL từ đêm 08/11. Ở Bắc Bộ có mưa rào và dông, cục bộ có nơi mưa to; khu vực từ Thanh Hóa đến Tp. Đà Nẵng, phía Đông tỉnh Quảng Ngãi đến Đắk Lắk và tỉnh Khánh Hòa có mưa to và dông, cục bộ có nơi mưa rất to; tại trạm Bạch Long Vỹ đã có gió Đông Bắc mạnh cấp 8, giật cấp 10; trạm Cồn Cỏ có gió

Đông Bắc mạnh cấp 8, giật cấp 9; trạm Lý Sơn có gió Đông Bắc mạnh cấp 7, giật cấp 8; trạm Phú Quý có gió giật cấp 7; trạm Huyền Trân có gió Đông Bắc đến Đông cấp 6, giật cấp 8.



(a) (b)

Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (^{0}C) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ ngày 11/10-10/11/2026

+ ***Nhiệt độ trung bình (NĐTB):*** Từ ngày 11/10-10/11/2026, nhiệt độ trung bình tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Tp. Huế phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) từ 2,0-3,0^{0}C, có nơi cao hơn trên 3,0^{0}C; các nơi khác phổ biến cao hơn TBNN từ 0,5-1,5^{0}C *(Hình 1a)*.

+ ***Lượng mưa*:** Từ ngày 11/10-10/11/2026, TLM tại một số nơi ở vùng núi phía Bắc, khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nam Bộ phổ biến cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ 20-55%, có nơi cao hơn. Các khu vực còn lại trên cả nước TLM thấp hơn từ 40-90% so với TBNN *(Hình 1b)*.

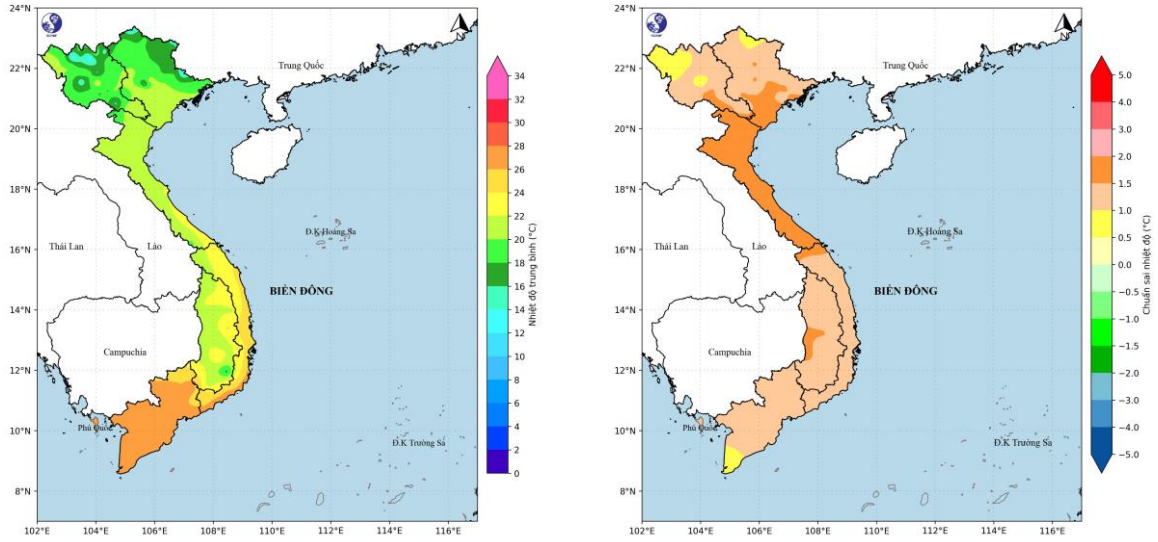
2. Dự báo xu thế khí hậu từ ngày 11/11-10/12/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

Trong thời kỳ dự báo, NĐTB trên toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-2,0^{0}C, có nơi cao hơn *(Hình 2b)*.

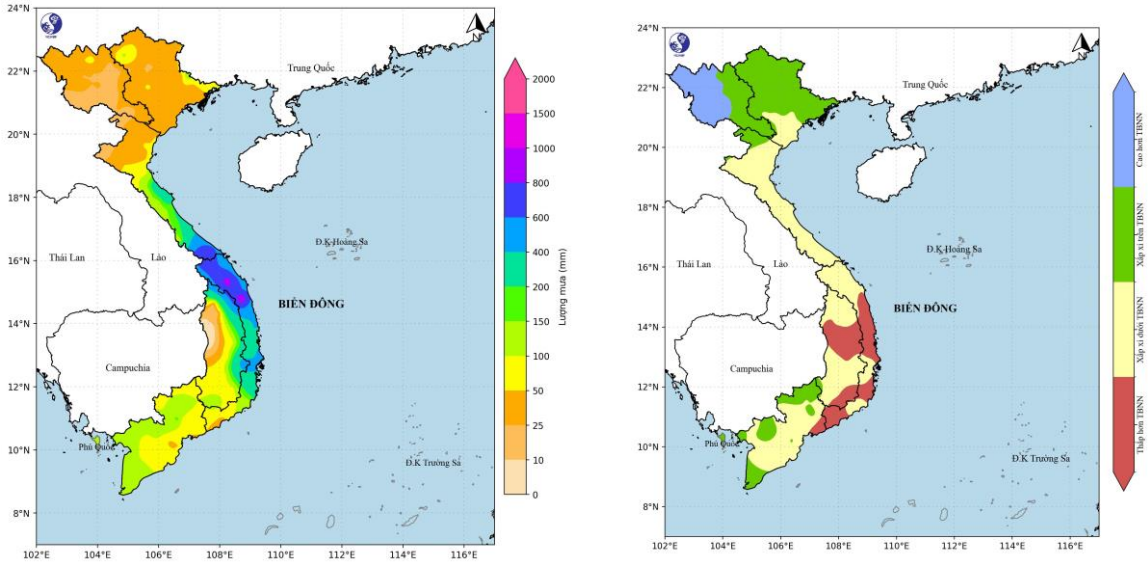
2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ từ ngày 11/11-10/12/2026, TLM tại khu vực trung du và vùng núi phía Bắc phổ biến cao hơn từ 5-20% so với TBNN cùng thời kỳ; các khu vực còn lại phổ biến thấp hơn từ 5-20%, trong đó khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung bộ có nơi thấp hơn từ 20-40% so với TBNN *(Hình 3b)*.



(a) *(b)*

Hình 2: (a) Nhiệt độ trung bình (^{0}C) TBNN từ 11/11-10/12;
(b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (^{0}C) từ 11/11-10/12/2026



(a) *(b)*

Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ 11/11-10/12; (b) Dự báo xu thế lượng mưa từ 11/11-10/12/2026

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ *Bão/ATNĐ:* Trong thời kỳ từ ngày 11/11-10/12/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông thấp hơn TBNN và ít có khả năng ảnh hưởng đến khu vực đất liền Việt Nam (TBNN: Bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông là 1,3 cơn, trong đó đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0,7 cơn).

+ *Mưa vừa, mưa to:* Trong thời kỳ dự báo, mưa diện rộng vẫn có khả năng xuất hiện trên toàn quốc; trong đó mưa vừa, mưa to tập trung chính tại khu vực Trung Bộ.

+ *Không khí lạnh:* Các đợt KKL ảnh hưởng đến Bắc Bộ và Trung Bộ có khả năng hoạt động mạnh trong khoảng 01-02 tuần đầu của thời kỳ dự báo, sau đó có xu hướng hoạt động yếu hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng tiếp tục xuất hiện trên phạm vi cả nước.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Trên đất liền, hoạt động của KKL kết hợp với hội tụ gió ở các tầng khí quyển trên cao, rãnh gió Tây trên mực 5000m, nhiễu động gió Đông và rãnh thấp xích đạo ở phía Nam có thể gây ra các đợt mưa diện rộng, nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh. Trên biển, cần đề phòng gió mạnh do ảnh hưởng của KKL, nhiễu động gió Đông hoặc mưa dông cục bộ gây nguy hiểm cho hoạt động của tàu thuyền.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ ngày 11/11-10/12/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 11-20/11		Thời kỳ 20-30/11		Thời kỳ 01-10/12		Cả thời kỳ	
	Ttb (ºC)	TLM (mm)	Ttb (ºC)	TLM (mm)	Ttb (ºC)	TLM (mm)	Ttb (ºC)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	19,0-20,0	10-20	19,5-20,5	10-20	18,5-19,5	5-15	19,0-20,0	20-50
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,0-23,0	10-20	22,0-23,0	15-30	20,5-21,5	5-15	21,0-22,0	30-60
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	19,0-20,0	20-50	19,0-20,0	10-20	17,5-18,5	5-15	18,5-19,5	40-80
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	15-30	22,5-23,5	10-20	21,5-22,5	10-20	22,5-23,5	30-60
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	20-50	22,5-23,5	10-20	21,5-22,5	5-15	22,5-23,5	40-80
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,0-23,0	5-15	22,5-23,5	10-20	21,5-22,5	5-15	22,0-23,0	20-50
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	20-50	22,5-23,5	20-50	21,5-22,5	20-50	22,5-23,5	80-150
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	80-150	24,0-25,0	150-250	24,5-25,5	150-250	24,0-25,0	400-650

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 11-20/11		Thời kỳ 20-30/11		Thời kỳ 01-10/12		Cả thời kỳ	
	Ttb (ºC)	TLM (mm)	Ttb (ºC)	TLM (mm)	Ttb (ºC)	TLM (mm)	Ttb (ºC)	TLM (mm)
Kon Tum–Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	15-30	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	<5	24,0-25,0	20-50
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	50-100	26,0-27,0	100-200	26,5-27,5	70-130	26,5-27,5	250-450
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	70-130	26,0-27,0	80-150	26,5-27,5	70-130	26,5-27,5	200-400
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	23,5-24,5	30-60	24,0-25,0	15-30	23,0-24,0	10-20	23,5-24,5	50-100
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,5-29,5	20-50	28,5-29,5	20-40	28,5-29,5	15-30	28,5-29,5	60-120
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	30-60	27,5-28,5	20-40	27,5-28,5	15-30	27,5-28,5	70-130

Ghi chú:
- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 5- Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 12h00 ngày 21/11/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 11/11/2026./.

Soát tin: Nguyễn Thanh Hoa

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết ở quy mô nhỏ trong từ ngày 11/10-10/11/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Mưa lớn kèm dông lốc	An Giang	13-14/10/2026
Mưa lớn kèm dông lốc	Lào Cai, Cao Bằng, Đồng Tháp	07/11/2026

Bảng 2: Lượng mưa ngày từ ngày 11/10-10/11/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Đắk Mil (Lâm Đồng)	113,1	04/10/1993	158,5	21/10/2026
2	Bắc Hà (Lào Cai)	86,3	16/11/1981	93,0	07/11/2026
3	Hoàng Su Phì (Tuyên Quang)	83,6	06/11/1963	94,4	07/11/2026
4	Chợ Rã (Thái Nguyên)	71,8	10/11/1978	74,1	07/11/2026
5	Nguyên Bình (Cao Bằng)	94,5	07/11/2023	107,8	07/11/2026
6	Phố Ràng (Lào Cai)	65,8	03/11/2008	88,5	09/11/2026
7	Cúc Phương (Ninh Bình)	91,4	22/11/2018	128,5	09/11/2026
8	Như Xuân (Thanh Hóa)	236,6	04/11/1996	425,5	09/11/2026
9	Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	188,4	06/11/2015	234,2	10/11/2026

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày từ ngày 11-31/10/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)	34,2	04/10/2026	34,5	12/10/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
2	Trùng Khánh (Cao Bằng)	33,3	01/10/2026; 01/10/2021	34,4	13/10/2026
3	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,4	10/10/2017; 05/10/2009	34,8	14/10/2026
4	Bạc Liêu (Cà Mau)	33,5	05/10/2026; 10/10/2017	33,5	14/10/2026
5	Sóc Trăng (Tp. Cần Thơ)	34,5	07/10/2026	34,5	29/10/2026; 15/10/2026
6	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	35,8	02/10/2026; 01/10/2026	36,0	19/10/2026
7	Phù Liễn (Tp. Hải Phòng)	34,5	01/10/2026; 12/10/2025	34,8	19/10/2026
8	Mường Lay (Điện Biên)	36,4	02/10/2026; 11/10/1998	36,4	21/10/2026
9	Bắc Cạn (Thái Nguyên)	35,2	05/10/2025	35,2	21/10/2026
10	Yên Châu (Sơn La)	38,3	03/10/2026	38,3	24/10/2026
11	Than Uyên (Lai Châu)	35,4	03/10/2026	35,4	25/10/2026
12	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	30,7	05/10/2026	31,2	25/10/2026
13	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	33,2	04/10/2026	33,2	25/10/2026
14	Càng Long (Vĩnh Long)	34,6	08/10/2023	34,8	29/10/2026

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày từ ngày 01-10/11/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Tam Đường (Lai Châu)	29,7	01/11/2024	31,8	01/11/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
2	Than Uyên (Lai Châu)	34,4	11/11/2013	34,4	01/11/2026
3	Mường Lay(Lai Châu) (Điện Biên)	34,3	05/11/1971	34,8	01/11/2026
4	Tuần Giáo (Điện Biên)	34,0	18/11/2017	34,5	01/11/2026
5	Điện Biên (Điện Biên)	34,0	20/11/2015; 07/11/2005	34,3	01/11/2026
6	Sông Mã (Sơn La)	36,0	10/11/2023	36,6	01/11/2026
7	Cò Nòi (Sơn La)	32,1	10/11/2023	33,8	01/11/2026
8	Bắc Yên (Sơn La)	31,5	10/11/2023	33,2	01/11/2026
9	Mộc Châu (Sơn La)	29,5	12/11/2009	29,5	01/11/2026
10	Mù Cang Chải (Lào Cai)	30,0	10/11/2006	31,0	01/11/2026
11	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	31,8	18/11/2006	32,3	01/11/2026
12	Phú Quốc (An Giang)	33,3	28/11/2009	33,3	01/11/2026
13	Uông Bí (Tp. Quảng Ninh)	32,8	15/11/2024	33,1	02/11/2026
14	Ninh Bình (Ninh Bình)	33,6	11/11/2009	33,9	02/11/2026
15	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,0	16/11/2024	34,3	03/11/2026
16	Yên Châu (Sơn La)	36,2	17/11/2017	37,8	04/11/2026
17	Côn Đảo (Tp. Hồ Chí Minh)	32,2	01/11/2024; 01/11/2023	32,6	04/11/2026
18	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	34,0	17/11/2015; 25/11/1997	34,0	05/11/2026
19	Cô Tô (Tp. Quảng Ninh)	31,8	11/11/2023	31,8	06/11/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 11 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
20	Chí Linh (Tp. Hải Phòng)	34,4	17/11/2015	34,8	06/11/2026
21	Mỹ Tho (Đồng Tháp)	34,2	14/11/2023; 27/11/2016; 17/11/2015	34,5	06/11/2026
22	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	34,7	06/11/2023	34,8	06/11/2026
23	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	31,5	10/11/2015; 08/11/2015	32,0	07/11/2026
24	Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)	33,5	17/11/2019	34,2	07/11/2026
25	Cần Thơ (Tp. Cần Thơ)	34,7	13/11/2023	34,9	07/11/2026
26	Trị An (Tp. Đồng Nai)	35,4	13/11/2023	35,4	08/11/2026
27	Biên Hòa (Tp. Đồng Nai)	35,7	08/11/2021	36,0	08/11/2026
28	Long Khánh (Xuân Lộc) (Tp. Đồng Nai)	34,7	13/11/2023	35,1	09/11/2026
29	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	34,9	19/11/2015	35,5	09/11/2026

Bảng 5: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ)
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, TP. Quảng Ninh, TP. Hải Phòng, TP. Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, TP. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ)
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, TP. Huế
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	TP. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
5	Khu vực Cao	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm

	nguyên Trung Bộ	Đồng
6	Khu vực Nam Bộ	TP. Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, TP. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau